

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai bổ sung dự toán NSNN năm 2023 ( Bổ sung kinh phí sau Đại học ) của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-SYT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3058/STC-HCSN ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc điều chỉnh dự toán năm 2023 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-SYT ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế toán.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 ( bổ sung kinh phí sau Đại học ) của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng Tổ chức - Hành chính Quản trị, phòng Tài chính - Kế toán và các khoa phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế;
- Đăng Website bệnh viện;
- Lưu :VT, TC-KT.

**GIÁM ĐỐC**



**Đặng Hữu Chiến**

**SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI**  
**BỆNH VIỆN NHI**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG NĂM 2023**  
**(BỔ SUNG KINH PHÍ SAU ĐẠI HỌC NĂM 2023)**

(Kèm theo Quyết định số 394 /QĐ-BVN ngày 12/12/2023 của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai.)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>15,000</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>0,000</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
<b>2</b>	<b>Viện phí</b>	<b>0,000</b>
	Viện phí trực tiếp	
	Bảo hiểm y tế	
<b>3</b>	<b>Thu khác</b>	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế</b>	
<b>a</b>	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	<b>0,000</b>
<b>b</b>	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
<b>a</b>	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
<b>b</b>	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
<b>2</b>	<b>Viện phí</b>	
	Viện phí trực tiếp	
	Bảo hiểm y tế	
<b>3</b>	<b>Thu khác</b>	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>15,000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>15,000</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
<b>1.1</b>	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
<b>1.2</b>	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
<b>2.1</b>	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	





Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>15,000</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15,000
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>0,000</b>
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	<b>0,000</b>
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

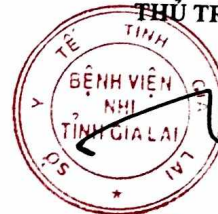
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Hoài Thu

Gia Lai, ngày 12 tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



**Đặng Hữu Chiến**



**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023**

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Ủy ban nhân dân Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của UBND tỉnh Gia Lai V/v phê duyệt quy hoạch đào tạo sau đại học giai đoạn 2016-2020; Công văn số 536/SNV-CCVC ngày 25/4/2016 của Sở Nội vụ V/v thông báo, hướng dẫn thực hiện quy hoạch đào tạo sau đại học giai đoạn 2016 - 2020;

Theo Công văn số 3760/STC-HCSN ngày 10/11/2023 của Sở Tài chính về việc thông báo bổ sung kinh phí sau đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao bổ sung dự toán thu, chi NSNN năm 2023 của Bệnh viện Nhi kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học cho viên chức Đoàn Thị Huệ số tiền **15.000.000 đồng** (Mười lăm triệu đồng chẵn).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán bổ sung thu, chi ngân sách năm 2023 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch -Tài chính, Thủ trưởng Bệnh viện Nhi chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch ( gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách );
- Lưu : VT; KH-TC.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lý Minh Thái**